

# **BÁO CÁO TÓM TẮT**

## **TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NĂM 2018**

*(Kèm theo Công văn số /BKHĐT-PTDN ngày tháng năm 2019)*

### **I. Tổng quan tình hình phát triển doanh nghiệp năm 2018**

#### ***1. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới và số vốn đăng ký đạt cao nhất trong lịch sử.***

- Năm 2018, cả nước có 131.275 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 1.478.101 tỷ đồng, tăng 3,5% về số doanh nghiệp và tăng 14,1% về số vốn đăng ký. Tỷ trọng vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp trong năm 2018 đạt 11,3 tỷ đồng, tăng 10,2% so với năm 2017. Tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong năm 2018 là 3.886.892 tỷ đồng, tăng 22,8% so với năm 2017.

Đây là năm thứ tư liên tiếp có số lượng doanh nghiệp thành lập mới và số vốn đăng ký đạt cao nhất trong lịch sử. Đây là tín hiệu rõ ràng cho thấy niềm tin ngày càng lớn của xã hội vào môi trường đầu tư kinh doanh.

- Về lĩnh vực hoạt động: các lĩnh vực “Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy”, “Xây dựng” và “Công nghiệp chế biến, chế tạo” có số lượng doanh nghiệp thành lập mới cao nhất, lần lượt là 46.380 doanh nghiệp (tăng 2,1% so với năm 2017), 16.735 doanh nghiệp (tăng 4,4%), 16.202 doanh nghiệp (tăng 0,07%). Số vốn đăng ký nhiều nhất là ở lĩnh vực “Kinh doanh bất động sản” với 430.193 tỷ đồng; đây cũng là ngành có tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới tăng cao nhất, đạt 40%.

Các lĩnh vực có số lượng doanh nghiệp thành lập mới giảm là: “Vận tải kho bãi” (giảm 34%), “Nghệ thuật, vui chơi và giải trí” (giảm 9,1%), “Nông, lâm nghiệp và thủy sản” (giảm 5,5%), “Thông tin và truyền thông” giảm 3,8%, “Khai khoáng” (giảm 3,1%).

#### ***2. Tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động trên thị trường đạt 55% tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới.***

- Trong năm 2018, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là 34.010 doanh nghiệp, tăng 28,6% so với cùng kỳ năm trước và cao nhất từ trước tới nay. Đây là một tín hiệu khả quan, phần nào cho thấy phản hồi tích cực của cộng đồng doanh nghiệp đối với những giải pháp quyết liệt của Chính phủ nhằm giải quyết khó khăn, tạo dựng môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi hơn.

- Số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn của cả nước năm 2018 là 27.126 doanh nghiệp, tăng 25,1% so với cùng kỳ năm 2017.

Xét tỷ lệ tăng/giảm, trong năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017, hầu hết các ngành đều có tỷ lệ doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh tăng, chỉ riêng ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản là giảm.

- Trong năm 2018 có 45.425 doanh nghiệp ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể (không bao gồm 18.100 doanh nghiệp chờ giải thể do hoạt động rà soát dữ liệu), tăng 16,9% so với năm 2017.

- Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể trong năm 2018 của cả nước là 16.314 doanh nghiệp, tăng 34,7% so với cùng kỳ năm 2017.

Tính đến thời điểm 20/12/2018, số doanh nghiệp đang hoạt động là 715.000 doanh nghiệp<sup>1</sup>, trong khi đó số lũy kế doanh nghiệp đăng ký thành lập đến nay khoảng 1,3 triệu doanh nghiệp. Như vậy, tỉ lệ doanh nghiệp đang hoạt động đạt khoảng 55% tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới.

### ***3. Biến động lớn về vốn đăng ký trong một số khu vực ngành nghề.***

Mặc dù tổng số vốn đăng ký của doanh nghiệp năm 2018 có tăng so với năm 2017, nhưng tỷ lệ tăng 14,06% là thấp so với tỷ lệ 45,43% tăng vốn đăng ký của năm 2017 so với năm 2016.

Trong năm 2018, vốn đăng ký của DN có biến động tăng trưởng/giảm sút rất khác nhau trong mỗi khu vực ngành nghề. Trong đó phải kể đến, tỷ lệ tăng vốn đăng ký lớn nhất là DN hoạt động trong lĩnh vực “Bán buôn; bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy” tăng 59,03% so với năm 2017, năm 2017 tăng 37,54% so với 2016.

Tỷ lệ vốn đăng ký của DN hoạt động trong lĩnh vực “Nghệ thuật, vui chơi và giải trí” có những biến động đặc biệt đáng phải lưu tâm, đó là: tỷ lệ tăng vốn đăng ký năm 2017 lớn nhất, tăng 442,16% so với năm 2016. Tuy nhiên, sang đến năm 2018, lĩnh vực này cũng chứng kiến tỷ lệ giảm sút mạnh nhất với (-69,41%) so với năm 2017. Cùng chung xu hướng này, có các lĩnh vực như: Khai khoáng (năm 2017 so với năm 2016 tăng là 51,7%, nhưng sang năm 2018 giảm sút so với năm 2017 là -18,7%); Xây dựng (năm 2017 so với năm 2016 tăng là 42,5%, nhưng sang năm 2018 giảm sút so với năm 2017 là -10,21%)...

### ***4. Chuyển dịch cơ cấu ngành nghề kinh doanh cho thấy một số ngành, lĩnh vực quan trọng còn chưa hấp dẫn các doanh nghiệp đầu tư.***

Trong năm 2018, tỷ trọng vốn đăng ký vẫn tiếp tục tập trung vào một số nhóm ngành<sup>2</sup> như: (i) Kinh doanh bất động sản (29,10%); (ii) Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô xe máy (21,31%); và (iii) Xây dựng (11,59%).

Tỷ trọng vốn đăng ký của các doanh nghiệp trong một số nhóm ngành nghề quan trọng còn chiếm tỷ trọng thấp trong tổng vốn đăng ký của toàn bộ khu vực doanh nghiệp. Ví dụ như: Công nghiệp chế biến, chế tạo (10,41%); Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (2,07%). Trong khi đó, những ngành này hàng năm có tỷ

<sup>1</sup> Nguồn: Số liệu đăng ký kinh doanh

<sup>2</sup> 03 vị trí dẫn đầu này được duy trì trong những năm 2016, 2017, 2018.

trọng đóng góp lớn trong GDP cả nước (Nông lâm thủy sản chiếm 15,3% GDP năm 2017 và 14,57% GDP năm 2018; Công nghiệp chế biến chiếm 15,3% GDP năm 2017 và 16,02% GDP năm 2018). Bên cạnh đó, vốn đăng ký của các doanh nghiệp trong một số nhóm ngành liên quan đến đổi mới sáng tạo cũng có tỷ lệ rất khiêm tốn như: Khoa học công nghệ, chuyên môn khác (4,34%); Thông tin truyền thông (1,35%); Vận tải kho bãi (1,81%)...

Đáng lưu ý hơn là tỷ trọng vốn đăng ký của các doanh nghiệp trong những nhóm ngành này (trừ nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản<sup>3</sup>) có xu hướng tiếp tục giảm trong những năm gần đây. Đặc biệt là doanh nghiệp nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và vận tải kho bãi giảm tỷ trọng cả về số doanh nghiệp đăng ký và số vốn đăng ký trong 3 năm gần đây.

Đây là vấn đề cần phải được quan tâm nghiên cứu và sớm tìm ra giải pháp phù hợp nhằm khuyến khích doanh nghiệp đầu tư kinh doanh có hiệu quả trong các lĩnh vực này nhất là trong bối cảnh nước ta đang thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tận dụng cơ hội của cách mạng công nghiệp 4.0, phát triển công nghiệp sáng tạo và logistics để tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế.

### ***5. Cơ cấu doanh nghiệp theo quy mô có xu hướng phát triển tích cực***

Qua phân tích số liệu thống kê về doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV)<sup>4</sup> năm 2016 và 2017 cho thấy xu hướng phát triển kh át tích cực của khu vực DNNVV, đó là sự tăng trưởng về tỷ trọng của nhóm doanh nghiệp quy mô vừa (tăng từ 2,52% năm 2016 lên 3,67% năm 2017) và nhóm doanh nghiệp quy mô nhỏ (từ 25,62% năm 2016 tăng lên 30,80% năm 2017). Bên cạnh đó, nhóm doanh nghiệp siêu nhỏ, tuy vẫn tăng về số lượng; nhưng đã giảm về tỷ trọng từ 71,86% xuống còn 65,52%.

Kết quả này cho thấy nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của Chính phủ trong những năm qua (các Nghị quyết số 19/NQ-CP, Nghị quyết số 35/NQ-CP .v.v..) cũng như sự quan tâm và tích cực triển khai chính sách khuyến khích hỗ trợ DNNVV của các cấp chính quyền từ Trung ương và địa phương đã bước đầu có những tác động tích cực nhất định tới sự phát triển của khu vực DNNVV.

## **II. Tình hình phát triển doanh nghiệp dân doanh**

Hiệu quả hoạt động của khu vực doanh nghiệp dân doanh có những tín hiệu kh át tích cực như<sup>5</sup>: Tổng tài sản năm 2017 tăng 16,5% so với năm trước; tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản cũng có xu hướng giảm nhẹ là 59,91% (năm trước là 60,87%); tổng doanh thu năm 2017 tăng 8,28% so với năm trước; tổng doanh thu trong 09 tháng đầu năm 2018 tăng khoảng 15% so với cùng kỳ năm ngoái.

---

<sup>3</sup> Doanh nghiệp trong nhóm ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản năm 2018 có tỷ trọng số doanh nghiệp đăng ký giảm nhưng tỷ trọng vốn đăng ký tăng so với năm 2017

<sup>4</sup> Tính toán trên số liệu điều tra doanh nghiệp hàng năm của Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

<sup>5</sup> Báo cáo tài chính doanh nghiệp dân doanh – Bộ Tài chính

Tổng doanh thu của DNDD tính bình quân một doanh nghiệp trong 09 tháng đầu năm 2018 là 16.269 triệu đồng, tăng 772 triệu đồng (tương đương 4,98%) so với cùng kỳ năm trước.

Tỉ lệ số doanh nghiệp k ê khai c ó l ă năm 2017 l à 39,54% giảm so với năm 2016 (40,65% năm 2016) tuy nhi ên l ăi bình quân trên một doanh nghiệp l à 2.148 triệu đồng, tăng 71 triệu đồng (tương đương 3,44%) so với năm 2016.

### **III. Tình hình phát triển doanh nghiệp FDI**

Năm 2018, ước tính các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đã thực hiện 19,1 tỷ USD, tăng 9,1% so với năm 2017, mức tăng đã suy giảm so với năm 2017 (năm 2017 vốn thực hiện tăng 10,7% so với năm 2016). Tính đến ngày 20 tháng 12 năm 2018, tổng vốn đăng ký cấp mới, tăng thêm và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài là 35,465 tỷ USD, bằng 98,8% so với cùng kỳ năm 2017.

Đầu tư vào các dự án mới năm 2018 đạt 17,976 tỷ USD, giảm 15,5% so với cùng kỳ 2017. Về tỷ trọng, vốn đăng ký mới chỉ chiếm 51% tổng vốn đăng ký, giảm so với mức 59% của năm 2017. Quy mô vốn đăng ký bình quân của dự án mới giảm từ 8,2 triệu USD năm 2017 xuống còn 5,9 triệu USD năm 2018.

Vốn đăng ký đầu tư mở rộng năm 2018 đạt 7,596 tỷ USD, giảm 9,7% so với cùng kỳ 2017. Về tỷ trọng, vốn đăng ký tăng thêm chỉ chiếm 21% tổng vốn đăng ký, giảm chút ít so với mức 23% của năm 2017. Quy mô trung bình của dự án tăng vốn cũng giảm từ 7 triệu USD năm 2017 xuống 6,5 triệu USD năm 2018.

Như vậy, vốn đăng ký suy giảm ở cả vốn đăng ký mới và tăng thêm và tăng mạnh ở phương thức M&A. Việc suy giảm quy mô vốn đăng ký mới và tăng thêm chưa lập tức ảnh hưởng đến vốn thực hiện năm 2018 nhưng sẽ làm giảm vốn thực hiện của những năm tiếp theo và một số nhà nghiên cứu đã hoài nghi tác động của phương thức đầu tư này đến tăng năng lực sản xuất của khu vực đầu tư nước ngoài trong dài hạn<sup>6</sup>.

Trong năm 2018 nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 18 ngành lĩnh vực, trong đó lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo là lĩnh vực thu hút được nhiều sự quan tâm của nhà đầu tư nước ngoài với tổng số vốn đạt 16,58 tỷ USD, chiếm 46,7% tổng vốn đầu tư đăng ký.

Tính lũy kế đến ngày 20/12/2018, cả nước có 27.353 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 340,1 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 191,4 tỷ USD, bằng 56,2% tổng vốn đăng ký còn hiệu lực.

Lực lượng lao động trong khu vực DN FDI năm 2017 tiếp tục tăng trưởng với 9% so với năm 2016, với việc thu hút thêm 356.085 người lao động trong năm

---

<sup>6</sup> Bruce A. Blonigen và Justin R. Pierce, Tạp chí Kinh doanh Harvard (Harvard Business Review), 15/11/2016

2017 lớn nhất so với các khu vực doanh nghiệp còn lại. Điều này cho thấy tính hấp dẫn của thị trường lao động khu vực FDI.

#### **IV. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp nhà nước**

Đến năm 2017, cả nước có 526 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (viết tắt là DNNN), trong đó có 07 Tập đoàn kinh tế, 58 Tổng công ty nhà nước và 8 công ty TNHH 1 thành viên hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Các DNNN hiện diện tại 11 ngành, lĩnh vực (so với hiện diện trên 60 ngành, lĩnh vực vào ngành, lĩnh vực vào năm 2001) tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội và quốc phòng, an ninh.

Các chỉ tiêu tài chính của các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước đến Quý III/2018 có sự tăng trưởng ổn định so với các năm trước:

Tổng vốn chủ sở hữu tại các doanh nghiệp nhà nước là 1.371,5 nghìn tỷ đồng (tăng 4% so với năm 2016). Tổng tài sản là tài sản 3.015 nghìn tỷ đồng (tăng 35 so với năm 2016), tổng doanh thu 1.605 nghìn tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 167,5 nghìn tỷ đồng, tổng số phát sinh phải nộp ngân sách nhà nước 219 nghìn tỷ đồng. Phần lớn doanh nghiệp nhà nước sản xuất, kinh doanh có lãi.

Tổng giá trị tài sản và vốn chủ sở hữu nhà nước liên tục gia tăng qua các năm là tiền đề để các DNNN phát huy lợi thế kinh tế quy mô, sản xuất, cung ứng sản phẩm dịch vụ cho thị trường, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Nhờ đó, DNNN vẫn duy trì đóng góp khoảng từ 26-28% tăng trưởng kinh tế (GDP); là nguồn thu lớn của ngân sách nhà nước (chiếm 24,82% tổng cân đối thu ngân sách nhà nước 2016) mặc dù số lượng doanh nghiệp giảm mạnh qua quá trình sắp xếp và cổ phần hóa.

Sau khi thực hiện sắp xếp, cổ phần hoá, so sánh giữa khối doanh nghiệp cổ phần hóa do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn và khối doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn, các chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng vốn/doanh thu, tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu, tỷ suất lợi nhuận trước thuế/tổng tài sản của khối DNNN đã cổ phần hóa đều đạt cao hơn so với khối doanh nghiệp mà Nhà nước vẫn tiếp tục nắm giữ 100% vốn.

#### **V. Nhận định xu hướng năm 2019 và đề xuất, kiến nghị**

##### **1. Nhận định xu hướng năm 2019**

Nhận định được những thuận lợi và khó khăn đan xen, khu vực doanh nghiệp Việt Nam năm 2019 dự kiến sẽ có những bước tiến tích cực:

- Số lượng doanh nghiệp tiếp tục có xu hướng tăng nhẹ. Dự kiến số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới đạt khoảng 140.000 doanh nghiệp. Cơ cấu số lượng và vốn đăng ký của các doanh nghiệp trong một số ngành nghề sẽ tiếp tục có thay đổi phản ánh sự thay đổi trong cơ cấu của nền kinh tế và kỳ vọng phát triển ở một số ngành mới liên quan đến sản xuất chế tạo, nông nghiệp, công nghiệp hỗ trợ.

- Về thu hút FDI: Sự cạnh tranh trong thu hút FDI đang diễn ra ngày càng gay gắt giữa các quốc gia trong khu vực, do đó vốn đăng ký khó có khả năng tăng mạnh trong các năm tới. Dự kiến: ước thực hiện vốn đầu tư nước ngoài năm 2019 sẽ đạt khoảng 18 – 19 tỷ USD; Vốn đăng ký năm 2019 dự báo đạt khoảng 30 - 35 tỷ USD tương đương mức thu hút của năm 2018.

- Về sắp xếp đổi mới DNNN: Dự kiến năm 2019 sẽ cần thực hiện cổ phần hoá hơn 100 doanh nghiệp, thoái vốn tại 193 doanh nghiệp. Mục tiêu đến hết năm 2020, cả nước chỉ còn hơn 200 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hoạt động trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, công ích, truyền tải điện...

## **2. Một số đề xuất, kiến nghị**

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách và đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật: sửa đổi, hoàn thiện các luật (Luật Đất đai, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Phá sản, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp...)

- Thực hiện quyết liệt các Nghị quyết số 35/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP nhằm cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; rà soát cắt giảm tối đa các thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh nhằm đảm bảo duy trì niềm tin và tăng cường đầu tư kinh doanh.

- Duy trì và nâng cao chất lượng các cơ chế đối thoại chính sách: đối thoại diện rộng (như: Hội nghị Thủ tướng với doanh nghiệp và VBF) hoặc các cơ chế đối thoại chuyên ngành (như thuế, hải quan, ngân hàng....) v.v....

- Điều chỉnh các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp theo hướng thống nhất, có trọng tâm, mang tầm quốc gia và thể hiện tính liên ngành, liên vùng.

- Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Luật Hỗ trợ DNNVV: Khẩn trương thực hiện các chính sách hỗ trợ về thuế, vốn, công nghệ... cho DNNVV; Tạo đột phá trong thúc đẩy hộ kinh doanh đăng ký thành doanh nghiệp.

- Ban hành Kế hoạch phát triển bền vững doanh nghiệp khu vực tư nhân, trong đó khuyến khích doanh nghiệp áp dụng các mô hình kinh doanh bền vững, công nghệ sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả tài nguyên.

- Thúc đẩy khởi nghiệp, chú trọng khởi nghiệp sáng tạo trong một số ngành có lợi thế và tiềm năng; tạo điều kiện hình thành doanh nghiệp công nghệ, nhất là doanh nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông.

- Khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ, khai thác cơ hội của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

- Hỗ trợ nâng cao năng suất lao động trong doanh nghiệp; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.

- Tăng cường liên kết doanh nghiệp: Khuyến khích doanh nghiệp lớn, DNNN, doanh nghiệp FDI liên doanh, liên kết với các DNNVV trong nước tham

gia chuỗi giá trị toàn cầu; nghiên cứu xây dựng Đề án hình thành liên đoàn kinh tế tư nhân nhằm phát huy tối đa sức mạnh và nguồn lực từ khu vực này.

- Xây dựng Đề án Định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả thu hút và sử dụng đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

- Xây dựng các tiêu chí, tiêu chuẩn, quy chuẩn về khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, về ứng dụng chuyển giao công nghệ, sử dụng năng lượng... trong thu hút và sử dụng đầu tư nước ngoài.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các DNNN: đổi mới quản trị trên cơ sở những thông lệ quản trị phổ biến của thế giới; xây dựng tiêu chí phân loại DNNN theo hướng giảm mạnh tỷ lệ vốn nhà nước tại những ngành, lĩnh vực mà Nhà nước không cần tham gia để tạo điều kiện cho khu vực tư nhân.

- Tiếp tục tái cơ cấu, cổ phần hóa, thoái vốn mạnh mẽ đối với DNNN, buộc doanh nghiệp hoạt động hoàn toàn theo cơ chế thị trường; thực hiện niêm yết các tập đoàn, tổng công ty, DNNN quy mô lớn đã cổ phần hóa.

- Xây dựng hệ thống tiêu chí, phương pháp giám sát, kiểm tra, đánh giá một cách toàn diện đối với DNNN; quy định rõ ràng, minh bạch về quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ của các đối tượng có liên quan đến quá trình giám sát, kiểm tra DNNN; tăng cường trách nhiệm giải trình, công khai thông tin v.v...

---